



Tuần 38 (13/-17/9/21)

BSC WEEKLY REVIEW

***ETF VNM công bố danh mục,
ETF FTSE tái cơ cấu danh***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *ETF VNM công bố danh mục, ETF FTSE tái cơ cấu danh mục*
2. PTKT VN-INDEX: *Tích lũy quanh ngưỡng 1350 điểm.*
3. TIN VĨ MÔ: *Đặt mục tiêu kiểm soát dịch bệnh trong tháng 9*
4. PTKT Cổ phiếu: *VSC EVG*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *8/9 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông_9.52%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Xu hướng khối ngoại rút ròng vẫn diễn ra ở nhiều nước khu vực*
8. PHỤ LỤC: *Review ETFs VNM quý III năm 2020*
9. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: ETF VNM công bố danh mục, ETF FTSE tái cơ cấu danh mục

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1345.31	0.80%
GTGD/phiên (tỷ VND)	21,072.93	2.11%
Khối ngoại (tỷ VND)	-2863.26	
HNX-INDEX	350.05	1.28%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2858.20	-4.93%
Khối ngoại (tỷ VND)	-333.50	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4458.58	-0.77%	-1.69%	-0.05%
EU (EURO STOXX)	4170.35	-0.16%	-0.75%	-1.40%
China (SHCOMP)	3703.11	0.27%	3.39%	5.31%
Japan (NIKKEI)	30381.84	1.25%	4.30%	8.60%
Korea (KOSPI)	3125.76	0.36%	-2.35%	-2.58%
Singapore (STI)	3098.80	0.88%	0.48%	-2.11%
Thailand (SET)	1635.35	0.38%	-0.91%	7.00%
Phillipines (PCOMP)	6970.51	0.67%	1.06%	6.31%
Malaysia (KLCI)	1575.97	-0.18%	-0.83%	4.93%
Indonesia (JCI)	6094.87	0.44%	-0.52%	-0.73%
Vietnam (VNIndex)	1345.31	0.10%	0.80%	-0.92%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2109	1447.10	-0.08%	23734.9	31269.4
VN30F2110	1444.90	-0.24%	63.6	543.0
VN30F2112	1459.30	0.76%	64.5	414.8
VN30F2203	1444.70	-0.25%	4.6	135.0

TTCK VIỆT NAM

ETF VNM công bố danh mục và ETF FTSE tái cơ cấu danh mục, VN-Index tích lũy quanh ngưỡng 1350 điểm.

VN-Index có 1 tuần vận động giằng co giữa lực mua và lực bán trước ngưỡng kháng cự 1350 điểm. Dòng tiền đầu tư duy trì xu hướng tăng khi có 10/19 ngành tăng điểm với 216 cổ phiếu tăng và 165 cổ phiếu giảm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với tuần trước khi thị trường chưa có thông tin tích cực mới. Trong khi đó, Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh tập trung vào những mã cổ phiếu vốn hóa lớn. Tuần tới, việc quỹ ETF FTSE VN tái cơ cấu danh mục và quỹ ETF VNM công bố danh mục sẽ là động lực để thị trường tạo xu hướng mới.

ETF VNM đã công bố danh mục mới. Cụ thể, họ thêm vào THD, SAB, DGC, KDC, DIG, VND, DPM, PVS, SHS và 1 cổ phiếu nước ngoài Bermuda. Kết quả này cũng nâng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam từ 69.22% lên 73.6%. Việc thêm mới DGC và KDC nằm trong dự báo của BSC tuy nhiên Quỹ thêm 7 cổ phiếu khác nằm ngoài dự báo do một số cổ phiếu đã thỏa mãn tiêu chí của quỹ từ nhiều kỳ trước nhưng đã không được quỹ thêm vào. (chi tiết xin xem trang 11-12)

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Trung Quốc tăng phi mã sau nhip điều chỉnh

TTCK Châu Âu cùng Mỹ đồng loạt giảm điểm tuần qua (DAX -1.09%, Euuro Stoxx 50 -0.75%, Dow Jones -2.15%, S&P500 -1.69%), chịu tác động lớn bởi cuộc họp điều hành của ECB tại ngày 9/9. ECB cam kết chưa thay đổi định hướng chính sách, tuy nhiên, quyết định điều chỉnh chính sách nới lỏng định lượng, thu hẹp mua trái phiếu cùng các tài sản khác vẫn tác động tiêu cực tới giao dịch. Như vậy, tiếp bước Mỹ, Châu Âu cũng sẽ bắt đầu thu hẹp biện pháp kích thích thanh khoản, đánh dấu thay đổi trong quan điểm điều hành chính sách, khả năng kéo theo vận động tăng lãi suất, nhất là tại các nước phát triển, tác động phần nào tới dòng tiền vào các nước đang phát triển (NHTW Nga tuần qua tăng lãi suất điều hành lần thứ năm trong 2021, thêm 0.25% lên 6.75%). Quyết định của ECB, và lo ngại về sự bùng phát thêm lần nữa của dịch bệnh Covid-19, tại cả Châu Âu cùng Mỹ, tạo áp lực điều chỉnh tuần qua. Điều này cũng hợp lý khi áp lực về lạm phát tiếp tục hiện hữu. Khảo sát Beige Book của FED phản ánh việc lạm phát duy trì tại mức cao khi chi phí sản xuất, gồm vật liệu đầu vào cùng giá lao động, tiếp tục tăng mạnh. Giá sản xuất tăng 8.3% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 7.8% YoY trong tháng 7. Giá sản xuất cơ bản cũng có mức tăng 6.3% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 6.1% YoY trong tháng 7. Trong tuần qua, TTCK Trung Quốc lại có vận động tăng mạnh (CSI300 +3.52%, SHCOMP +3.39%). Cuộc điện đàm giữa lãnh đạo Trung Quốc – Hoa Kỳ tác động tích cực tâm lý giao dịch trong phiên cuối tuần. Trong tuần, các dữ liệu về xuất nhập khẩu cũng tích cực. Xuất khẩu tăng 25.6% YoY, nhập khẩu tăng 33.1%, trong tháng 8. Đồng thời, động thái xoa dịu nỗi lo về tăng kiểm soát khối doanh nghiệp, triển khai đẩy mạnh quá trình mở cửa đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng có tác động tích cực nhất định. Cùng với đó, lạm phát giảm (+0.8% YoY trong tháng 8), tín dụng tăng chậm lại (+12.1% YoY trong tháng 8) cho thấy nước này thành công phần nào trong kiểm soát các chỉ tiêu trên.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: *Xác lập xu hướng mới*

Đồ thị tuần: VN-Index đang nằm trong xu hướng kiểm tra lại ngưỡng 1350 điểm. Tuy chỉ báo ADX tiếp tục giảm về 21.2 nhưng chỉ báo RSI tăng trở về 59.0. Đường MACD và đường tín hiệu vẫn đang duy trì khoảng cách theo chiều giảm. Tín hiệu kỹ thuật tiếp tục phân hóa khi thị trường hình thành cây nến doji trước ngưỡng kháng cự 1350 điểm. Xu hướng thị trường nhiều khả năng sẽ được xác lập rõ ràng hơn vào tuần sau nhờ tác động của các quỹ ETF.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo động lượng RSI tăng lên về 59.4.
- MACD cắt lên đường tín hiệu, báo hiệu xu hướng tích cực
- ADX giảm xuống ngưỡng 13.4.

Nhận định: Các tín hiệu phân tích kỹ thuật tuần và ngày đều đang nằm ở xu hướng phân hóa khi thị trường đang nằm ở vùng trung thông tin. Mặc dù thanh khoản thị trường duy trì ở mức ổn định nhưng việc biên độ dao động trong tuần vừa qua co hẹp lại đang cho thấy dấu hiệu thành lập xu hướng mới. Đặc biệt hơn, việc tái cấu trúc danh mục hay công bố danh mục của các quỹ ETF cũng sẽ củng cố xu hướng này. Trường hợp tích cực, VN-Index sẽ dao động trong vùng 1350-1380 điểm. Trường hợp tiêu cực VN-Index sẽ trở về vùng 1300-1330 điểm.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Đặt mục tiêu kiểm soát dịch bệnh trong tháng 9

VIỆT NAM:

- Thủ tướng chỉ đạo các địa phương quyết tâm phần đầu kiểm soát dịch bệnh trong tháng 9.
- Đại diện Bộ Ngoại giao cho biết trong tháng 9 có khoảng 16-17 triệu liều vaccine và khoảng 50 triệu liều từ các nguồn khác nhau có thể về Việt Nam trong tháng 9 và tháng 10.
- Bộ Công Thương dự báo xuất khẩu cả năm 2021 tăng 10.7% so với tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của năm 2020, ước đạt khoảng 313 tỷ USD.
- Bộ Y tế đặt mục tiêu tiêm ít nhất một mũi vaccine Covid-19 cho toàn bộ người trưởng thành tại Hà Nội và TP HCM trước ngày 15/9.
- Theo đại diện NHNN đến cuối tháng 8, tín dụng tăng khoảng 7.4% so với đầu năm.
- Cục Hàng không vừa trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị áp dụng áp giá sàn, mức giá tối thiểu bằng 20% mức giá tối đa quy định, từ 1/11/2021 hết ngày 31/12/2022.
- NHNN ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN: (1) kéo dài thời gian các khoản nợ phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính được tính là đáp ứng điều kiện để được cơ cấu lại thời gian trả nợ tới ngày 1/8/2021, (2) cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí đối với nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/06/2022, (3) sửa đổi thời gian thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí đến ngày 30/06/2022, (4) TCTD được cơ cấu nợ cho cả số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/06/2020 đến trước ngày 01/08/2021 và quá hạn từ ngày 17/07/2021 đến trước ngày 07/09/2021.
- Bộ Tài chính cho rằng việc sản xuất phôi thép trong nước đang dư thừa công suất, dẫn tới việc tăng thuế xuất khẩu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến ngành do dư thừa công năng, làm gia tăng hàng tồn kho, đồng thời cũng chưa hẳn sẽ góp phần giảm giá thép thành phẩm trong nước.
- Theo Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD), số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới trong tháng 8 đạt 120.379 đơn vị, tăng 19% so với tháng 7. Tính tổng 8 tháng, cá nhân mở mới 841.368 tài khoản chứng khoán, gấp hơn 2 lần so với cả năm 2020.
- Thủ tướng Chính phủ cơ bản đồng ý với đề xuất của Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch về phương án thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc, trong thời gian 6 tháng, dự kiến từ 1/10.

THẾ GIỚI:

- GDP Châu Âu tăng 14.3% YoY trong quý II, sau khi tăng 13.6% YoY trong quý I.
- Thặng dư thương mại của Trung Quốc đạt 58.34 tỷ USD trong tháng 8, sau khi đạt 56.59 tỷ USD trong tháng 7. Xuất khẩu tăng 25.6% YoY lên 294.32 tỷ USD, sau khi tăng 19.3% YoY trong tháng 7. Nhập khẩu tăng 33.1% YoY lên 235.98 tỷ USD, sau khi tăng 28.1% YoY trong tháng 7.
- Khảo sát Beige Book của FED cho thấy kinh tế Hoa Kỳ chậm lại phần nào trong tháng 8, khi đợt bùng phát mới của Covid-19 bởi biến thể Delta bắt đầu tác động hoạt động lưu trú, ăn uống, lễ hành. Tuy vậy, vĩ mô Hoa Kỳ tổng thể tiếp tục phục hồi tích cực với nhu cầu lao động lớn, lạm phát duy trì tại mức cao, khi giá kim loại, vận tải, nguyên vật liệu xây dựng cùng các vật liệu công nghiệp khác tiếp tục tăng.
- ECB duy trì lãi suất điều hành tại mức hiện hành, bắt đầu giảm thu mua tài sản theo gói PEPP tại phần còn lại của năm 2021, dù vẫn duy trì quỹ 1,850 tỷ EUR tới 3/2022, hoặc tới khi nhận định kết thúc giai đoạn dịch bệnh. Tốc độ giảm chưa được đề cập, nhưng định hướng điều chỉnh dần tránh gây biến động mạnh. Lạm phát ước tính 2021 đạt 2.2% (vs. 1.9% tại ước tính tháng 6), 2022 đạt 1.7% (vs. 1.5%), 2023 đạt 1.5% (vs. 1.4%). GDP ước tính 2021 đạt 5.0% (vs. 4.6%), 2022 đạt 4.6% (vs. 4.7%), 2023 đạt 2.1% (vs. 2.1%).
- Thặng dư thương mại tại Đức đạt 18.1 tỷ EUR trong tháng 7, sau khi đạt 16.2 tỷ EUR trong tháng 6, thấp hơn mức 19.2 tỷ EUR trong tháng 7/2020. Xuất khẩu tăng 12.4% YoY lên 115 tỷ EUR. Nhập khẩu tăng 16.6% YoY lên 96.9 tỷ EUR.
- Chỉ số giá tiêu dùng Trung Quốc đạt 0.8% YoY trong tháng 8, sau khi đạt 1.0% YoY trong tháng 7. Chỉ số giá sản xuất đạt 9.5% YoY trong tháng 8, sau khi đạt 9.0% YoY trong tháng 7.
- Chỉ số giá sản xuất Hoa Kỳ tăng 8.3% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 7.8% YoY trong tháng 7. Chỉ số giá sản xuất cơ bản tăng 6.3% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 6.1% YoY trong tháng 7.
- NHTW Nga tăng lãi suất điều hành thêm 0.25% lên 6.75%. Ước tính lạm phát năm 2022 đạt 4.0-4.5%, lạm phát dài hạn đạt 4.0%.
- Tăng trưởng tín dụng Trung Quốc đạt 1,220 tỷ CNY trong tháng 8, sau khi đạt 1,080 tỷ CNY trong tháng 7. Cung tiền M2 tăng 8.2% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 8.3% YoY trong tháng 7. Tăng trưởng tín dụng đạt 12.1% YoY trong tháng 8, sau khi đạt 12.3% YoY trong tháng 7.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Lưu ý diễn biến của tình trạng dịch bệnh COVID-19. VNIndex trong tuần tiếp theo dự kiến tích lũy quanh ngưỡng 1350 điểm
- Ngày 13/9, OPEC công bố báo cáo hàng tháng, Nhật Bản công bố chỉ số giá sản xuất. Ngày 14/9, Hoa Kỳ công bố chỉ số giá tiêu dùng, Nhật Bản công bố sản lượng công nghiệp. Ngày 15/9, Trung Quốc công bố bán lẻ hàng hóa, sản lượng công nghiệp, Châu Âu công bố sản lượng công nghiệp, Hoa Kỳ công bố sản lượng công nghiệp. Ngày 16/9, Nhật Bản công bố xuất nhập khẩu, Hoa Kỳ công bố bán lẻ hàng hóa. Ngày 17/9, Châu Âu công bố chỉ số giá tiêu dùng.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Nguồn: BSC Research

Nguồn: BSC Research



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/5/21	DVP	59.2	68.5	55.8	57.4	6	-3.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/8/21	NT2	20.45	23.5	18.8	21.45	13	4.89%	Có thể tiếp tục mua
29/8/21	VGT	19.7	25.4	17.6	21.4	13	8.63%	Có thể tiếp tục mua
15/8/21	DQC	21.15	24.5	19	23.45	27	10.87%	Có thể tiếp tục mua
15/8/21	TIP	40.7	50.5	36	47.2	27	15.97%	Có thể tiếp tục mua
8/8/21	GTN	17.7	22.5	16.5	19.15	34	8.19%	Có thể tiếp tục mua
8/8/21	MSR	20.4	24	18.5	23.2	34	13.73%	Cần nhắc không mua thêm
8/1/21	CTD	63	75	60	69.8	41	10.79%	Có thể tiếp tục mua
18/7/21	SJS	61.5	73	55.5	62.1	55	0.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

() Tiệm cận giá mục tiêu**

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/5/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
8/1/21	DRI	10.2	12	9	TP	16	17.65%
25/7/21	DPM	22.05	24.5	20.5	TP	5	11.11%
25/7/21	GMD	42.5	47	38.5	TP	5	10.59%
18/7/21	QNS	41.8	46	40.5	TP	25	10.05%
7/11/21	GIL	59.7	66	51	TP	15	10.55%
7/11/21	PNJ	105.5	121	100	SL	3	-5.21%
7/4/21	CNG	25.05	28.5	23.5	SL	16	-6.19%
7/4/21	MSN	113.9	133	103	TP	26	16.77%
27/6/21	GAS	95	104.7	87.3	SL	9	-8.11%
27/6/21	VSC	59.5	71	55.5	SL	15	-6.72%
20/6/21	FCN	12.55	14	11.5	SL	15	-8.37%
20/6/21	GKM	14.9	16.5	14	SL	5	-6.04%
20/6/21	PTB	88.3	101	80.5	TP	53	14.38%
20/6/21	VHM	112.5	125	106	SL	22	-5.78%

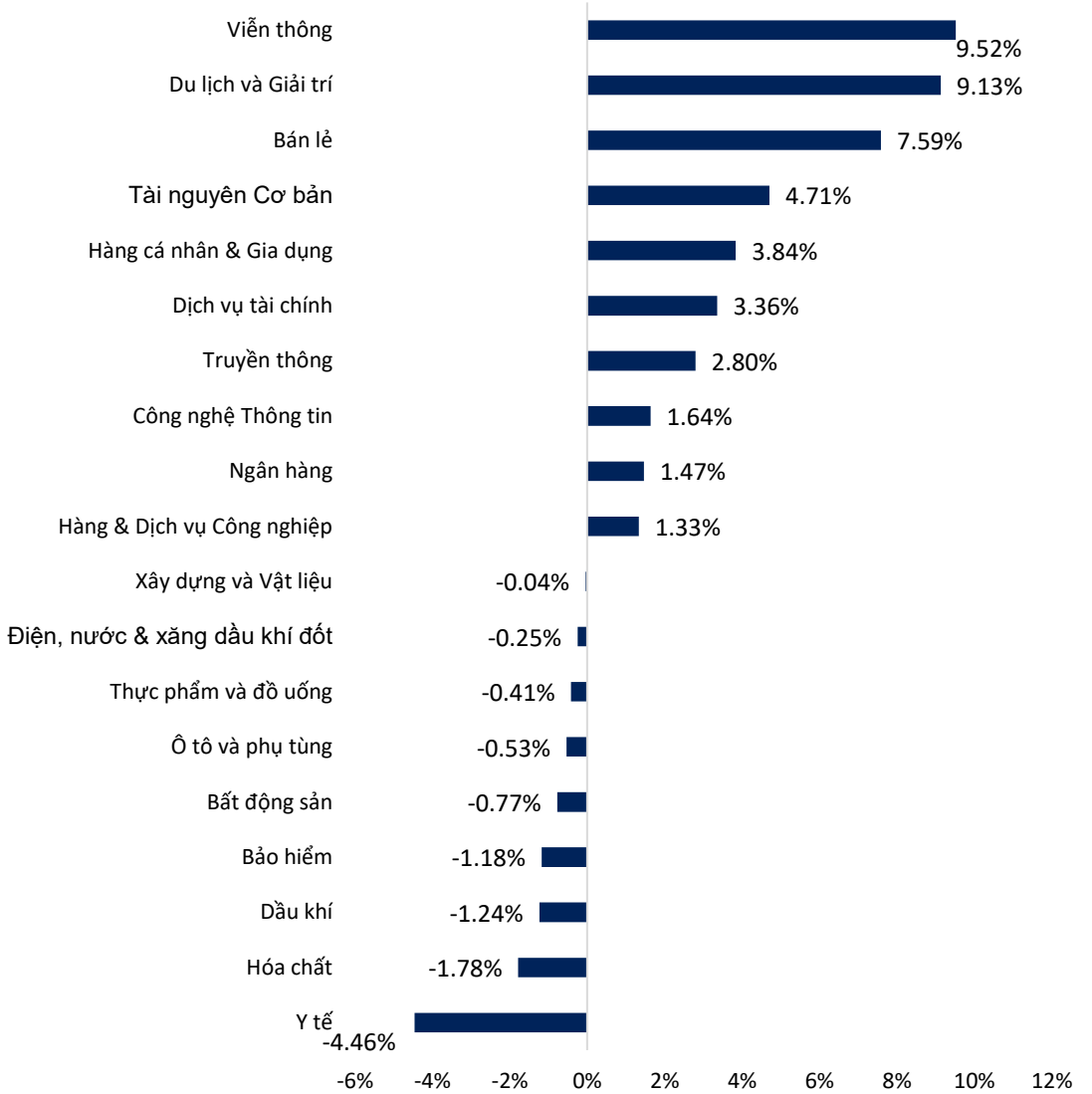
Thống kê	Số khuyến nghị lái	Số khuyến nghị lỗi	Hiệu suất KN lái	Hiệu suất KN lỗi	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	8	1	9.26%	-3.04%	7.89%	28
Đã chốt	124	89	15.26%	-8.46%	5.35%	29



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Viễn thông	0.00%	9.52%	-1.43%	VGI	11.54%	FOX	-0.93%
Du lịch và Giải trí	1.97%	9.13%	11.26%	HVN	19.57%	VJC	3.43%
Bán lẻ	0.27%	7.59%	4.42%	MWG	7.89%	PNJ	10.20%
Tài nguyên Cơ bản	-0.53%	4.71%	6.08%	HPG	4.67%	HSG	12.11%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.15%	3.84%	2.19%	TCM	-4.05%	TNG	-7.61%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	69.72	2.32%	0.62%	2.44%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	72.92	2.06%	0.43%	2.62%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	215.40	2.59%	0.00%	1.73%	PLX, OIL	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,787.58	-0.39%	-2.20%	2.05%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.74	-1.23%	-3.93%	0.84%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,286.50	1.26%	-0.43%	-3.76%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	688.50	-0.54%	-5.20%	-6.90%	AFX	
Sữa	USD/cwt	17.34	-1.20%	2.91%	-1.53%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	202.20	1.30%	-4.62%		SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	19.51	-2.06%	-3.99%	-2.16%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	188.05	0.32%	-2.56%	1.59%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	9,694.50	3.27%	2.79%	1.83%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	5,675.00	1.94%	5.46%	2.14%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,924.00	2.98%	7.22%	13.58%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	731.50	-0.41%	-5.55%	-14.59%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	173.65	0.00%	0.26%	13.91%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	916.16	1.37%	3.37%	1.28%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
HPG	+4.67%	2.771
VND	+77.81%	2.75
VPB	+5.04%	2.04
HVN	+19.57%	1.56
MWG	+7.89%	1.11
TCB	+2.07%	0.94
TPB	+9.36%	0.92
BID	+1.67%	0.70
HSG	+12.11%	0.64
VJC	+3.43%	0.626
Tổng		14.066

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-2.98%	-2.539
MSN	-2.48%	-1.048
GVR	-2.00%	-0.861
NVL	-1.34%	-0.554
PDR	-3.97%	-0.444
DHG	-8.91%	-0.345
DPM	-6.67%	-0.263
POW	-2.81%	-0.22
LGC	-7.00%	-0.217
DIG	-5.47%	-0.215
Tổng		-6.706

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
CTG	194.87	24.56
MBB	190.85	22.64
HSG	169.46	11.25
VCB	156.60	23.58
VND	137.14	18.93
VCI	60.23	19.83
LPB	44.78	3.52
ACV	41.49	3.66
PHR	40.98	12.53
DCM	37.12	2.60
Tổng	1,073.52	

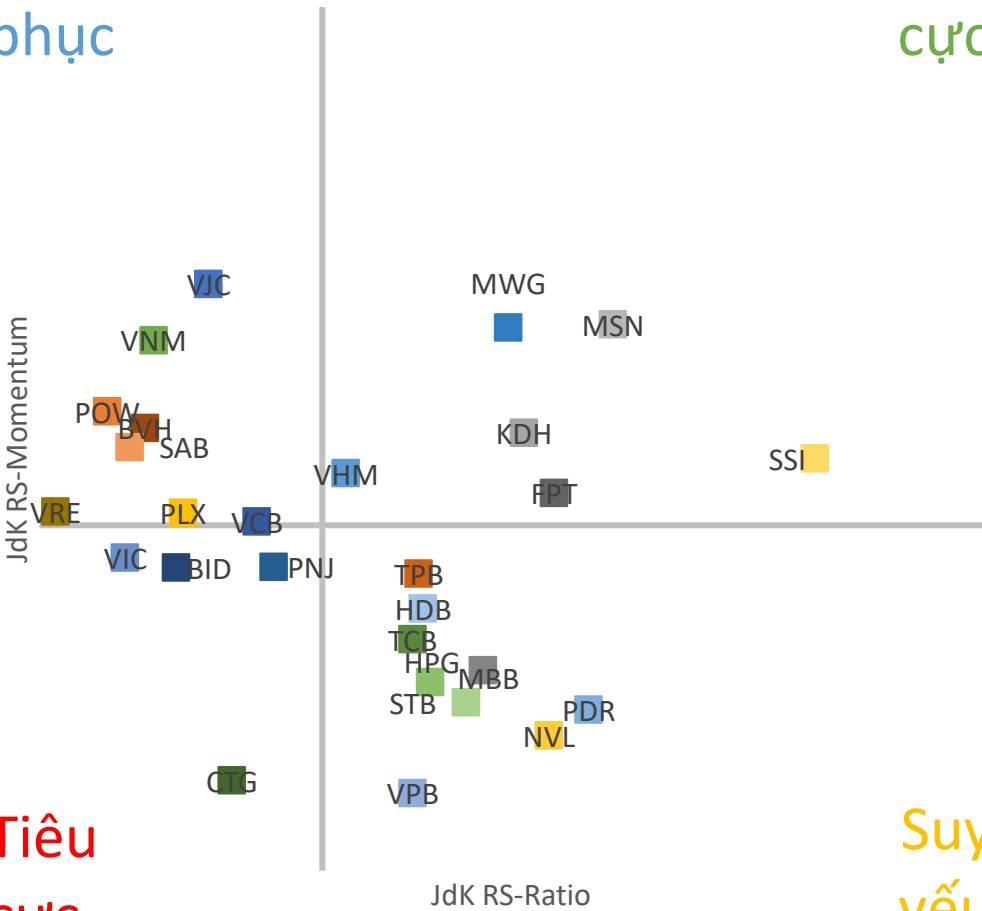
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	-1821.85	23.25
SSI	-459.50	47.01
VIC	-440.02	14.72
VNM	-352.42	54.66
API	-286.73	36.51
MSN	-195.49	32.62
NVL	-99.03	9.27
DPM	-79.07	10.98
GVR	-61.46	0.67
PDR	-49.11	3.54
Tổng	-3844.70	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
SSI	126.12	101.93	34.22%
MSN	115.42	105.81	23.12%
FPT	112.30	100.93	13.71%
MWG	109.87	105.72	24.23%
KDH	110.70	102.67	9.89%
GVR	109.91	104.83	12.93%
VHM	101.26	101.50	-2.27%
VRE	85.87	100.39	-14.63%
POW	88.61	103.29	0.41%
SAB	89.79	102.26	-11.93%
VNM	91.07	105.35	-0.79%
BVH	90.61	102.81	-3.45%
VJC	93.98	106.98	11.42%
PLX	92.63	100.35	-9.82%
VCB	96.54	100.10	-10.39%
GAS	99.31	101.89	-4.60%
PDR	114.13	94.66	-7.53%
NVL	112.03	93.90	-0.19%
MBB	108.52	95.80	-1.63%
VPB	104.80	92.24	-3.29%
HPG	105.74	95.45	-0.58%
HDB	105.35	97.59	-5.47%
TCB	104.79	96.69	-2.76%
TPB	105.12	98.60	4.91%
VIC	89.55	99.05	-12.59%
CTG	95.21	92.61	-21.93%
BID	92.27	98.77	-12.28%
PNJ	97.43	98.79	-4.18%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,752.30	7,354.13	30,706.52
Giá trị bán	2,503.21	10,217.40	42,405.10
Mua / bán ròng	-750.90	-2,863.26	-11,698.57
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	209.54	1,587.80	7,586.16
Giá trị bán	153.68	1,423.24	7,282.89
Mua / bán ròng	55.85	164.56	303.27
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VHM	157.26	FPT	-58.25
FUEVFNVD	118.68	BCG	-43.93
SSI	96.67	TCB	-32.74
NKG	41.36	MWG	-32.45
MSN	40.67	ACB	-25.82
VRE	25.16	PNJ	-23.49
KDH	15.78	GMD	-18.82
NVL	13.12	NLG	-17.03
E1VFN30	12.57	REE	-16.90
HPG	10.69	LPB	-15.23

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	560.05	19.79	0.00	1.21%	0.00	6.87	17.75
FTSE	433.48	43.67	-0.09	-1.20%	-7.01	-5.74	-8.34
iShare	501.37	0.00	0.00	0.00%	0.00	6.74	13.18
E1VFN30	452.33	1.05	0.94	1.30%	24.3	21.7	57.5
FUEVFNVD	555.70	1.11	2.50	0.01%	-12.9	-39.7	-24.4
FUBON FTSE	479.51	0.59	-2.50	-0.62%	-6.5	-73.7	90.7
FUESSVFL	111.94	0.87	0.00	4.46%	0.0	-1.0	1.9
FUESSVN30	4.32	0.77	0.00	3.69%	0.2	0.9	0.5
FUEMAVN30	25.88	0.73	0.00	2.24%	0.0	0.0	1.5
VN100	4.98	0.79	0.00	1.53%	0.00	0.87	0.87
KIM	182.27	18.60	0.00	-0.47%	0.00	0.00	7.50
PREMIA	28.57	12.75	0.00	0.42%	0.00	0.00	

Nhận định: ETF E1, Diamond tăng quy mô trong khi FTSE, Fubon giảm quy mô. Các ETFs khác có trạng thái cân bằng. Xu hướng khối ngoại rút ròng vẫn diễn ra ở nhiều nước khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



Phụ lục: Review ETFs VNM quý III năm 2020

Danh mục VNM quý III có những thay đổi như sau:

- VNM thêm mới 9 cổ phiếu Việt Nam gồm THD, SAB, DGC, KDC, DIG, VND, DPM, PVS, SHS và 1 cổ phiếu nước ngoài Bermuda. Quỹ cũng không oại cổ phiếu nào.
- Với những thay đổi này quỹ gồm 46 cổ phiếu (31 cổ phiếu Việt Nam và 15 cổ phiếu nước ngoài). Danh mục cổ phiếu Việt Nam tăng tỷ trọng mạnh từ 69.22% lên 73.6%.
- Quỹ thực hiện giao dịch giao dịch 13 – 17/9.

DGC và KDC thêm mới nằm trong dự báo của chúng tôi tuy nhiên Quỹ thêm 7 cổ phiếu khác nằm ngoài dự báo do một số cổ phiếu đã thỏa mãn tiêu chí của quỹ từ nhiều kỳ trước theo dự báo của chúng tôi nhưng đã không được quỹ thêm mới. Ngoài ra việc quỹ tăng tỷ trọng trên 70% cũng nằm trong dự báo của chúng tôi. Danh mục VNM dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	VIC	8.00%	4,831,764	1,172,152	
2	VHM	8.00%	5,442,677	1,167,720	
3	VNM	7.00%	-4,720,689	-1,255,346	
4	MSN	6.50%	-9,441,378	-1,596,502	
5	HPG	6.00%	3,387,788	1,568,690	
6	NVL	5.50%	-2,165,963	-473,607	
7	VCB	4.70%	-1,166,592	-267,917	
8	THD	4.50%	24,991,882	2,654,791	Thêm mới
9	SSI	3.30%	-4,725,782	-2,549,575	
10	PDR	2.00%	-4,705,432	-1,222,020	
11	VCI	1.80%	-4,218,381	-1,599,621	
12	VRE	1.60%	-4,431,498	-3,705,577	
13	SAB	1.20%	6,727,903	1,023,897	
14	DGC	1.00%	5,694,688	1,101,681	Thêm mới
15	VJC	1.00%	-2,385,112	-430,414	
16	HSG	1.00%	-2,901,006	-1,659,754	Thêm mới
17	KDC	1.00%	5,448,014	2,072,788	Thêm mới
18	GEX	0.90%	675,099	638,143	
19	STB	0.90%	-5,227,556	-4,363,241	
20	APH	0.90%	-2,844,924	-1,209,384	
21	DIG	0.90%	4,796,093	3,137,112	Thêm mới
22	VND	0.80%	4,571,657	2,062,486	Thêm mới
23	KBC	0.80%	-1,998,557	-1,070,964	
24	SBT	0.80%	-2,925,569	-2,955,084	
25	POW	0.70%	-2,041,571	-3,932,909	
26	DPM	0.70%	3,694,787	2,291,973	Thêm mới
27	BVH	0.70%	-3,892,395	-1,558,870	
28	PVS	0.60%	3,540,599	3,120,648	Thêm mới
29	HNG	0.40%	-1,619,170	-5,198,653	
30	SHS	0.40%	2,443,183	1,415,558	Thêm mới
31	TCH	0.40%	-1,097,896	-1,285,270	

Phụ lục: Tổng hợp thay đổi danh mục cả 2 quỹ ETFs VNM & FTSE

STT	MÃ	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL
1	APH	-1,427,009	-2,844,924	-606,625	-1209384	-1,816,009
2	BVH	-	-3,892,395	-	-1558870	-1,558,870
3	DIG	-	4,796,093	-	3137112	3,137,112
4	DGC	-	5,694,688	-	1101681	1,101,681
5	DPM	-	3,694,787	-	2291973	2,291,973
6	GEX	-362,361	675,099	-342,525	638143	295,618
7	HPG	5,740,882	3,387,788	2,658,273	1568690	4,226,963
8	HNG	-	-1,619,170	0	-5198653	-5,198,653
9	HSG	188,533	-2,901,006	107,865	-1659754	-1,551,888
10	KBC	164,205	-1,998,557	87,992	-1070964	-982,971
11	KDC	-	5,448,014	-	2072788	2,072,788
12	KDH	7,569,003	-	4,346,797	-	4,346,797
13	MSN	-1,824,850	-9,441,378	-308,575	-1596502	-1,905,077
14	NVL	-715,634	-2,165,963	-156,480	-473607	-630,087
15	PDR	-2,815,721	-4,705,432	-731,254	-1222020	-1,953,275
16	PLX	-223,609	-	-102,707	-	-102,707
17	POW	-417,894	-2,041,571	-805,036	-3932909	-4,737,945
18	PVD	34,434	-	40,415	-	40,415
19	PVS	-	3,540,599	-	3120648	3,120,648
20	SAB	-	6,727,903	-	1023897	1,023,897
21	SBT	30,336	-2,925,569	30,642	-2955084	-2,924,441
22	SHS	-	2,443,183	-	1415558	1,415,558
23	SSI	-2,416,497	-4,725,782	-1,303,708	-2549575	-3,853,283
24	STB	-95,553	-5,227,556	-79,754	-4363241	-4,442,996
25	TCH	-1,790	-1,097,896	-2,095	-1285270	-1,287,365
26	THD	-	24,991,882	-	2654791	2,654,791
27	VCI	6,126,239	-4,218,381	2,323,086	-1599621	723,465
28	VCB	-826,807	-1,166,592	-189,883	-267917	-457,800
29	VHM	-12,851,529	5,442,677	-2,757,281	1167720	-1,589,561
30	VIC	14,262,106	4,831,764	3,459,887	1172152	4,632,039
31	VJC	-670,752	-2,385,112	-121,043	-430414	-551,457
32	VND	-	4,571,657	-	2062486	2,062,486
33	VNM	-7,924,161	-4,720,689	-2,107,226	-1255346	-3,362,572
34	VRE	-1,585,657	-4,431,498	-1,325,911	-3705577	-5,031,488

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

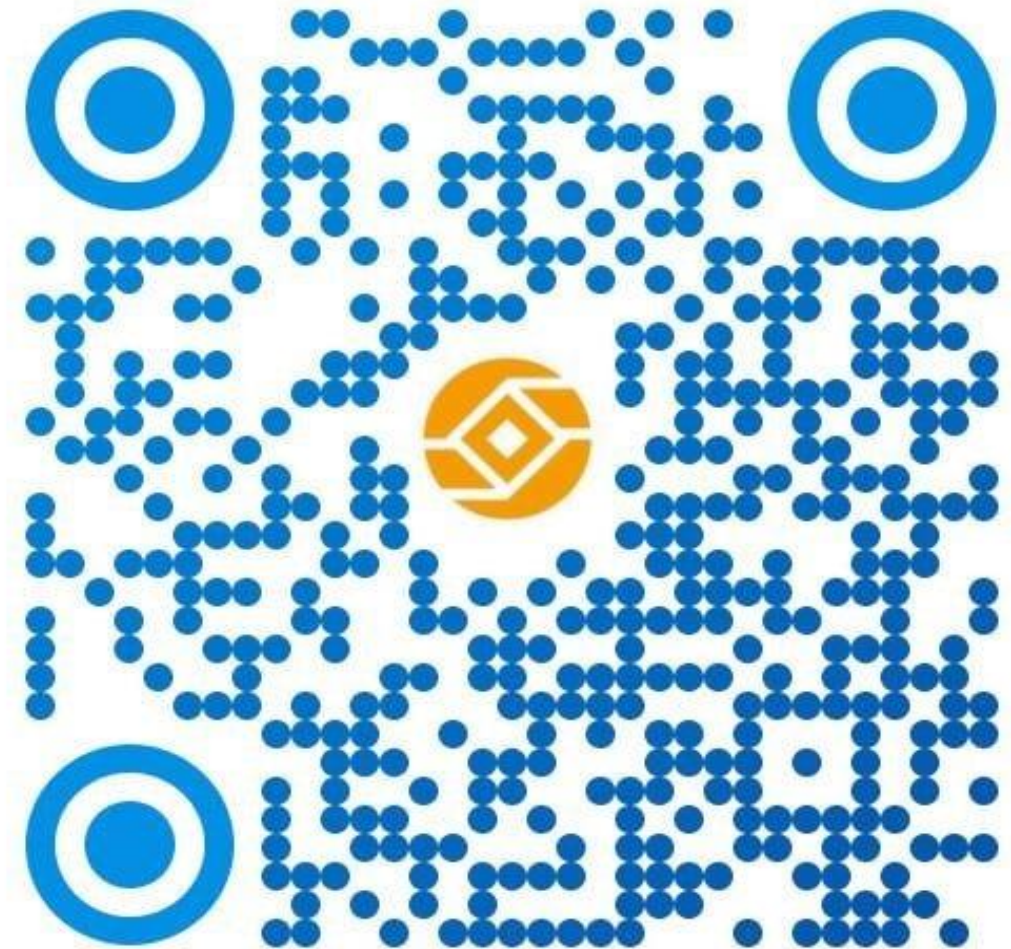
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký